

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số đến: 4263

Ngày đến: 11/12/2018

Lưu hồ sơ: VT

Nơi ban hành V/B: Bộ Khoa học và Công nghệ

Số và KH VB: 3916/BKH-CN-CNN

Ngày ban hành: 07/12/2018

Người ký: Thứ trưởng- Phạm Công Tạc

V/v: Góp ý kiến Quyết định ban hành Danh mục sản phẩm công nghệ được ưu tiên phát triển, chuyển giao và Danh mục các sản phẩm được khuyến khích phát triển

1.	Chỉ đạo	Giám đốc
2.	Đơn vị triển khai	Ban KCN
3.	Đơn vị phối hợp	
4.	Thời gian hoàn thành	
5.	Người theo dõi	
6.	Người phân phối VB	

I. Nơi báo cáo: (để biết).

II. Ý kiến BGD

III. Kết quả:

Số: 3916 /BKHCN-CNN

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2018

V/v góp ý kiến Quyết định ban hành Danh mục sản phẩm công nghệ được ưu tiên phát triển, chuyển giao và Danh mục các sản phẩm được khuyến khích phát triển

ĐẾN	Số: 1145
	Ngày: 12/12
	Chuyển: Quyền L.A

ĐẠI HỌC QUỐC GIA

TP. HCM

Số: 4263
Ngày: 11/12/18
Chuyển:

Kính gửi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

ĐẾN

Thực hiện Quyết định số 1203/QĐ-TTg ngày 18/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, giao Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục sản phẩm công nghệ được ưu tiên phát triển, chuyển giao và Danh mục các sản phẩm được khuyến khích phát triển (Danh mục).

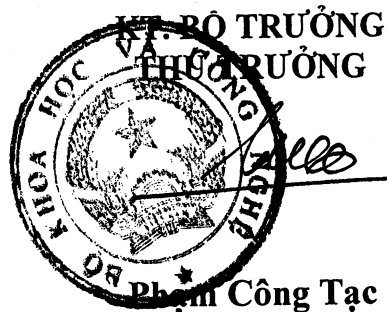
Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng dự thảo Quyết định ban hành Danh mục và căn cứ nhu cầu thực tiễn, hằng năm sẽ xem xét bổ sung thêm vào Danh mục những sản phẩm công nghệ mới được ưu tiên phát triển, chuyển giao và các sản phẩm mới được khuyến khích phát triển.

Để bám sát nhu cầu phát triển, chuyển giao sản phẩm công nghệ của các doanh nghiệp nhằm thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đạt hiệu quả như mong muốn, Bộ Khoa học và Công nghệ gửi dự thảo Quyết định ban hành Danh mục và xin ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương (gửi kèm theo Công văn này).

Văn bản ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương gửi trước ngày 16/12/2018: i) Bản cứng gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ, số 113 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội; ii) Bản mềm gửi email pchoat@most.gov.vn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Vụ CNN.



Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục sản phẩm công nghệ được ưu tiên phát triển, chuyển giao và Danh mục các sản phẩm được khuyến khích phát triển để triển khai thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1203/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế-kỹ thuật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục sản phẩm công nghệ được ưu tiên phát triển, chuyển giao và Danh mục các sản phẩm được khuyến khích phát triển để triển khai thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Điều 2. Trên cơ sở Danh mục sản phẩm công nghệ được ưu tiên phát triển, chuyển giao và Danh mục các sản phẩm được khuyến khích phát triển để triển khai thực hiện các bộ, ngành trung ương, các địa phương chỉ đạo các doanh nghiệp trực thuộc quyền quản lý xây dựng dự án hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao thuộc "Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn"

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế-kỹ thuật và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các bộ, ngành TW, các địa phương;
- Lưu: VT, CNN.

BỘ TRƯỞNG

Chu Ngọc Anh

Phụ lục 1
DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN,
CHUYỂN GIAO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng
Bộ Khoa học và Công nghệ)*

1. Ngành nghề 1: Trồng rừng, trồng cây dược liệu, cây lâm sản ngoài gỗ, sản xuất nông nghiệp hữu cơ

- Thiết bị phục vụ cơ giới hóa, tự động và bán tự động trong khâu đóng bầu, ương cây lâm nghiệp, dược liệu, lâm sản ngoài gỗ.

- Công nghệ trồng rừng bền vững theo chứng chỉ rừng quốc tế FSC kết hợp cây gỗ lớn và lâm sản ngoài gỗ; Công nghệ trồng tự động, cơ giới hóa, đào hố trồng cây trên đất dốc.

- Công nghệ trồng trong môi trường kiểm soát tự động; công nghệ trồng thủy canh, khí thủy canh.

- Công nghệ dự báo, cảnh báo, quản lý, giám sát sâu bệnh, cháy rừng.

- Công nghệ làm sạch đất phục vụ sản xuất hữu cơ, công nghệ làm tăng độ phì nhiêu của đất, công nghệ sản xuất dinh dưỡng cho cây trồng.

- Công nghệ quản lý và điều khiển dinh dưỡng cây trồng.

2. Ngành nghề 2: Đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến, xây dựng cánh đồng lớn

- Thiết bị phục vụ cơ giới hóa gieo trồng, chăm sóc, hệ thống chiếu sáng, phun thuốc bảo vệ thực vật, thu hoạch.

- Công nghệ phục vụ phát triển vùng nguyên liệu tập trung từ khâu giống đến khâu thu hoạch, chế biến trên qui mô công nghiệp.

3. Ngành nghề 3: Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản, hải sản tập trung

- Thiết bị phục vụ tự động hóa và cơ giới hóa trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế biến sản phẩm và xử lý phụ phẩm.

- Công nghệ chăn nuôi gia súc, gia cầm tự động và bán tự động; công nghệ nuôi trồng thủy sản xa bờ; công nghệ nuôi trồng thủy sản tuần hoàn tiết kiệm nước.

- Công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp dạng dung dịch.

- Công nghệ sinh học trong giám định, giám sát môi trường nuôi, chẩn đoán, phòng ngừa và điều trị bệnh cho vật nuôi, thủy sản, hải sản.

- Công nghệ theo dõi cá thể vật nuôi bằng điện tử, có điều khiển và qua sóng WIFI.

4. Ngành nghề 4: Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản

- Thiết bị phục vụ nhân giống, sản xuất giống, bảo quản giống cây trồng và giống thủy sản.

- Công nghệ sản xuất giống, nhân giống, bảo quản, xử lý hạt giống, củ giống qui mô công nghiệp.

- Công nghệ bảo quản lạnh trứng, tinh trùng, hợp tử động vật.
- Công nghệ chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản đạt năng suất, chất lượng cao, tăng tính thích ứng và chống chịu dịch bệnh.

5. Ngành nghề 5: Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, các công nghệ tự động hóa và các công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản

- Thiết bị tích hợp công nghệ thông tin, công nghệ sinh học hoặc công nghệ tự động hóa, công nghệ cao phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản.
- Công nghệ thông tin ứng dụng vào cảnh báo sạt lở đất và dự báo, cảnh báo các thiên tai khác đối với nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản.
- Công nghệ sinh học ứng dụng vào chọn giống, nhân giống, nuôi trồng, chăm sóc, bảo quản, chế biến và xử lý phế phụ phẩm.
- Công nghệ vật liệu mới ứng dụng vào sản xuất các thiết bị chuyên dụng cho nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản.
- Công nghệ tự động hóa và các công nghệ cao khác ứng dụng nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản.

6. Ngành nghề 6: Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ

- Thiết bị phục vụ đánh bắt hải sản xa bờ.
- Công nghệ sản xuất đèn Led cho nghề đánh bắt hải sản xa bờ.
- Công nghệ lưới vây cá ngừ, lưới kéo đáy khai thác ở độ sâu lớn.
- Công nghệ dự báo ngư trường phục vụ đánh bắt hải sản xa bờ.

7. Ngành nghề 7: Sản xuất và tinh chế muối

- Thiết bị phục vụ cơ giới hóa sản xuất muối và tinh chế muối.
- Công nghệ sản xuất muối tinh, muối tinh iot hạt; công nghệ sản xuất muối sạch kết tinh trên nền bạt HDPE.
- Công nghệ rửa muối sau thu hoạch.

8. Ngành nghề 8: Sản xuất nguyên liệu và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, chế phẩm sinh học

- Thiết bị sản xuất nguyên liệu thành phần thức ăn gia súc, nguyên liệu sản xuất chế phẩm sinh học.
- Thiết bị phục vụ chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, chế phẩm sinh học.
- Công nghệ sản xuất, chế biến, bảo quản nguyên liệu, phụ gia, phế phụ phẩm tôm, cá, thảo dược bổ sung vào thức ăn phục vụ chăn nuôi và nuôi trồng thủy hải sản.
- Công nghệ nuôi cấy sinh khối tổng hợp các chất có hoạt tính sinh học, sinh khối vi sinh vật, tách chiết các hoạt chất sinh học.
- Công nghệ sản xuất thức ăn dạng TMR, FTMR.

9. Ngành nghề 9: Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dược liệu

- Thiết bị chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dược liệu sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

- Công nghệ bảo quản, chế biến sâu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao (mỹ phẩm, thực phẩm chức năng ...).

10. Ngành nghề 10: Sản xuất bột giấy, giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản

- Thiết bị phục vụ cơ giới hóa, sản xuất bột giấy, giấy, bìa, ván nhân tạo qui mô công nghiệp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản.

- Công nghệ tiên tiến sản xuất bột giấy, xeo giấy tissue, giấy không thấm nước, giấy Kraft, bột giấy sinh học.

- Công nghệ tẩy trắng bột giấy, công nghệ tái chế giấy phế liệu.

- Công nghệ sản xuất ván ép xốp từ phụ phẩm nông lâm nghiệp.

11. Ngành nghề 11: Sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản

- Thiết bị phục vụ sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Công nghệ sinh khối vi sinh vật, công nghệ nano, công nghệ tách chiết hoạt chất sinh học sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thú y thủy sản qui mô công nghiệp.

- Công nghệ tiên tiến sản xuất chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Công nghệ sản xuất chất giữ ẩm và chất cải tạo đất.

12. Sản xuất hàng thủ công; sản phẩm văn hóa, dân tộc truyền thống

- Thiết bị phục vụ sản xuất tơ tằm, tơ sen, đông trùng hạ thảo, nấm ăn, nấm dược liệu.

- Công nghệ bảo quản hàng thủ công; sản phẩm văn hóa, dân tộc truyền thống.

13. Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, công trình thủy lợi và hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

- Thiết bị lọc nước, xử lý nước phục vụ cấp nước sạch, công trình thủy lợi, hệ thống tưới tiết kiệm.

- Thiết bị phục vụ hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Công nghệ đảm bảo an toàn hồ đập, cảnh báo sạt lở đất vùng ven sông biển, đồi núi

- Công nghệ xử lý nguồn nước mặt, nước ngầm qui mô công nghiệp.

14. Ngành nghề 14: Đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia súc, gia cầm, tập trung, công nghiệp

- Thiết bị phục vụ giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm tập trung qui mô công nghiệp.

- Công nghệ giết mổ tự động.

- Công nghệ bảo quản thịt gia súc, gia cầm tươi bằng phương pháp đóng gói khí quyển điều chỉnh (MAP); bảo quản bằng chế phẩm sinh học.

- Công nghệ lên men chế biến thịt gia súc, gia cầm, xúc xích lên men, salami, thịt chua; chế biến bột trứng phục vụ cho công nghiệp.

15. Ngành nghề 15: Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt tại nông thôn, thu gom xử lý chất thải làng nghề

- Thiết bị cơ giới hóa thu gom chất thải rắn, chất thải làng nghề; thiết bị phân loại trước xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải làng nghề.

- Thiết bị tiên tiến phục vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải làng nghề.

- Công nghệ xử lý rác thải hữu cơ bằng công nghệ thủy nhiệt, nhiệt phân, nhiệt phân plasma.

- Công nghệ xử lý sinh học nước thải giàu hữu cơ.

- Công nghệ xử lý hóa chất độc hại từ các làng nghề.

16. Ngành nghề 16: Đầu tư chợ ở vùng nông thôn; đầu tư nhà ở cho người lao động ở vùng nông thôn

- Thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng từ trấu, mùn cưa ép. phục vụ xây dựng nhà ở tại vùng nông thôn. Thiết bị phục vụ truy xuất nguồn gốc hàng hóa tại các chợ.

- Công nghệ xây dựng nhà ở cho vùng nông thôn thường xuyên ngập lụt.

17. Ngành nghề 17: Sản xuất máy, thiết bị, chất phụ gia, phụ trợ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, máy chế biến thực phẩm

- Thiết bị khai thác tận dụng cành nhánh, sản xuất dăm, sản xuất viên nén sinh học, ván MDF, HDF.

- Công nghệ tự động, bán tự động trong khai thác, vận xuất và vận chuyển lâm sản.

- Công nghệ sấy, điều khiển màu, chống mốc cho các sản phẩm mây, tre.

18. Ngành nghề 18: Dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y ở vùng nông thôn

- Thiết bị phục vụ dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, thiết bị phun thuốc điều khiển từ xa.

- Công nghệ theo dõi dịch bệnh thú ý, thực vật, bẫy đèn kết nối camera giám sát.

- Công nghệ phun, rải thuốc bảo vệ thực vật tăng hiệu quả sử dụng và giảm độc hại đến con người, sản phẩm nông sản và môi trường.

- Công nghệ xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật và các sản phẩm vượt quá dư lượng thuốc bảo vệ thực vật cho phép.

19. Ngành nghề 19: Dịch vụ tư vấn đầu tư, khoa học, kỹ thuật về sản xuất nông, lâm, thủy sản và nghề muối ở vùng nông thôn

- Thiết bị phục vụ dịch vụ tư vấn đầu tư, khoa học, kỹ thuật về sản xuất nông, lâm, thủy sản và nghề muối ở vùng nông thôn.

- Công nghệ internet vận vật phục vụ dịch vụ tư vấn đầu tư, khoa học, kỹ thuật về sản xuất nông, lâm, thủy sản và nghề muối.

- Ứng dụng Chợ thương mại điện tử, khuyến nông điện tử.